



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÙI MẠNH HÙNG
PHẠM KIM CHUNG

TẬP VIẾT 1

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



BÙI MẠNH HÙNG – PHẠM KIM CHUNG

TẬP VIẾT 1

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ nhất)

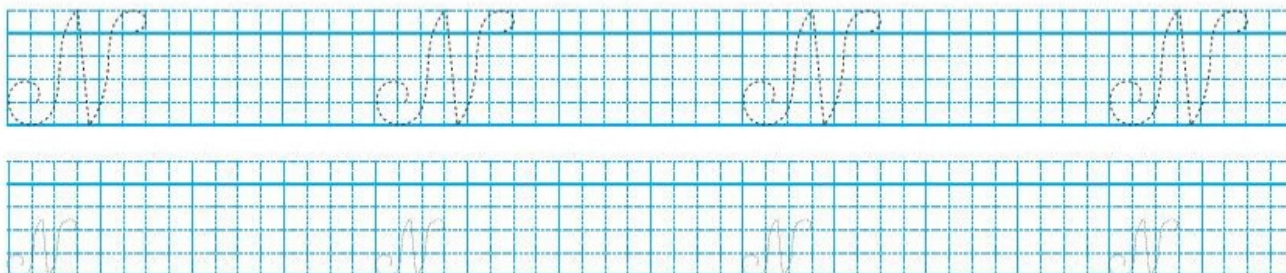
**KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG**

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

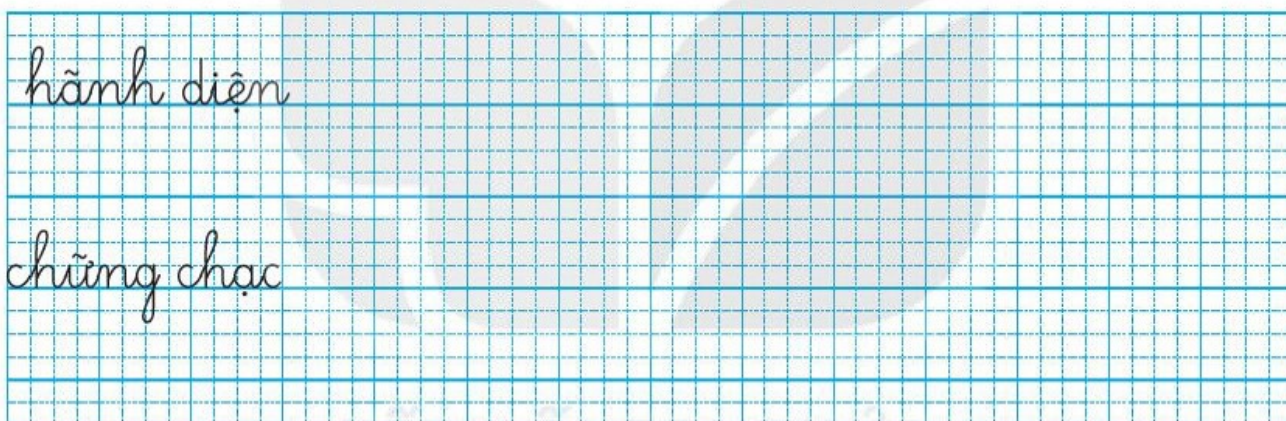
1. TÔI VÀ CÁC BẠN

BÀI 1. TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 1

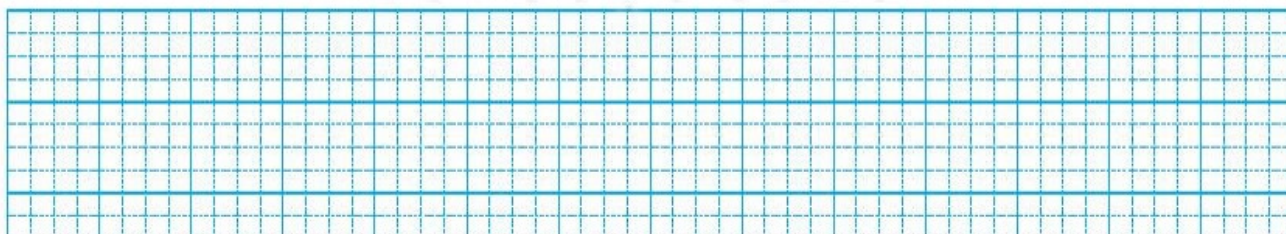
1. Tô



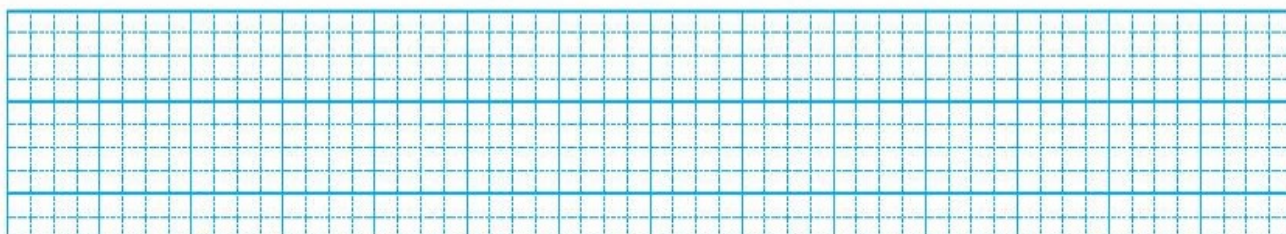
2. Viết từ ngữ



3. Viết câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3 (SHS trang 5)



4. Viết câu hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 6)



5. Nghe viết (SHS trang 6)

BÀI 2. ĐÔI TAI XẤU XÍ

1. Tô

2. Viết từ ngữ

3. Viết câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3 (SHS trang 9)

4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 10)

5. Nghe viết (SHS trang 11)

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The paper features a uniform grid of small squares, created by thin, light blue horizontal and vertical lines. The grid covers the entire surface of the page, providing a structured background for writing or drawing.

BÀI 3. BẠN CỦA GIÓ

1. Viết từ ngữ

cánh chim

lặng im

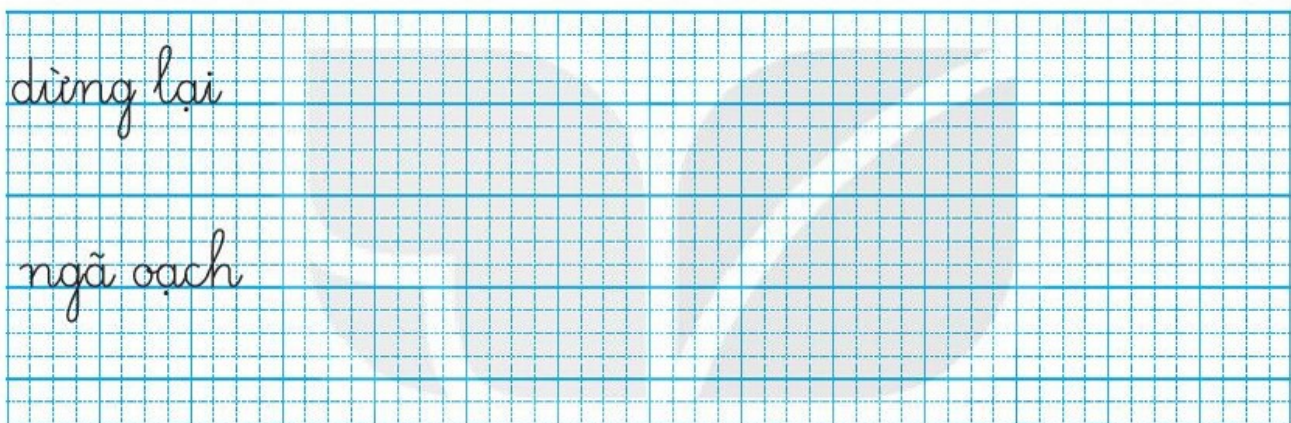
2. Viết những tiếng cùng vần với nhau trong hai khổ thơ cuối (SHS trang 12)

BÀI 4. GIẢI THƯỞNG TÌNH BẠN

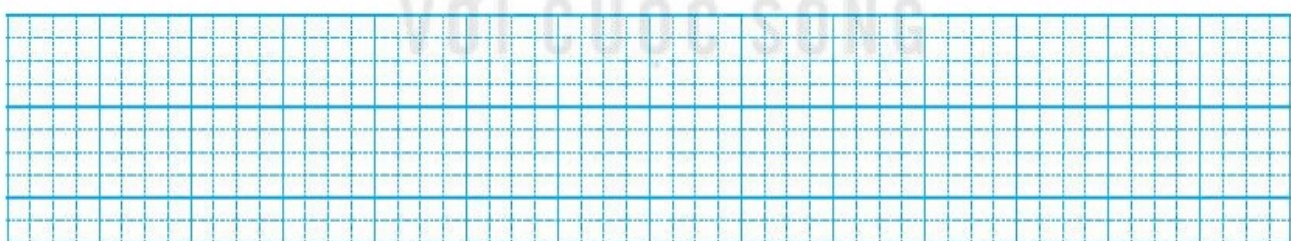
1. Tô



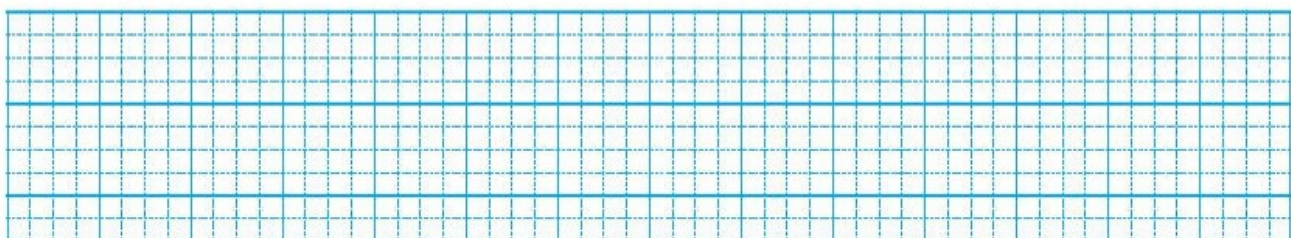
2. Viết từ ngữ



3. Viết câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3 (SHS trang 15)



4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 16)



5. Nghe viết (SHS trang 17)

BÀI 5. SINH NHẬT CỦA VOI CON

1. Tô

2. Viết từ ngữ

3. Viết câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3 (SHS trang 19)

4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 20)

A full-page sheet of white graph paper with a light blue grid. The grid consists of small squares, approximately 10 units wide by 10 units high. There are no margins or additional markings on the page.

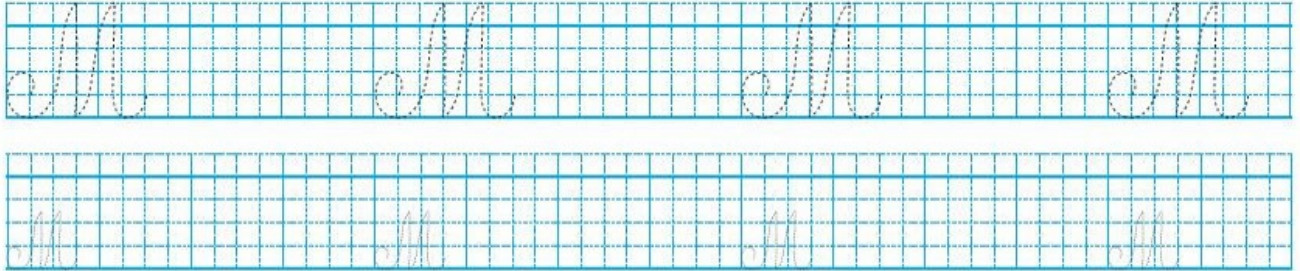
5. Nghe viết (SHS trang 21)

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin blue lines. There are no margins or additional markings on the page.

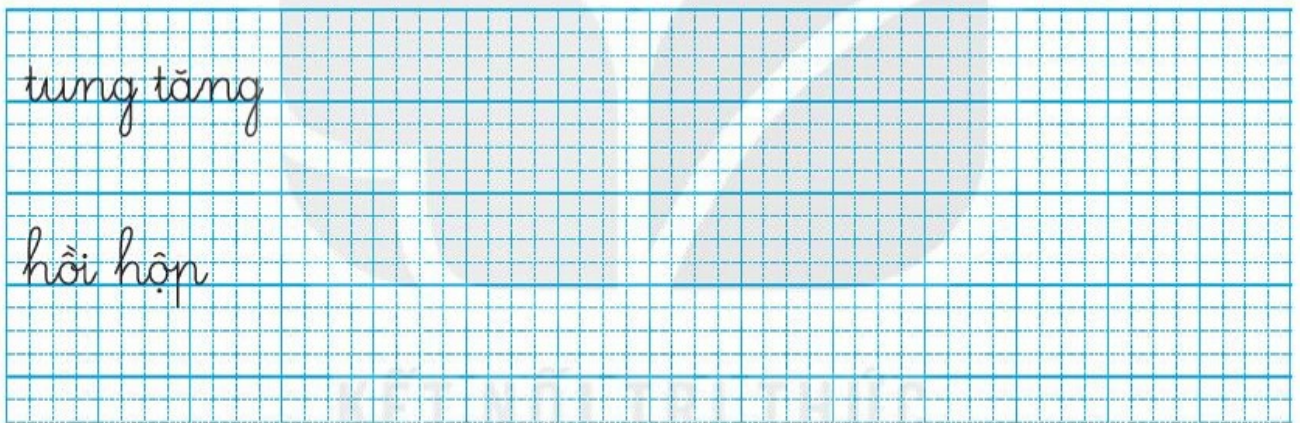
2. MÁI ẤM GIA ĐÌNH

BÀI 1. NỤ HÔN TRÊN BÀN TAY

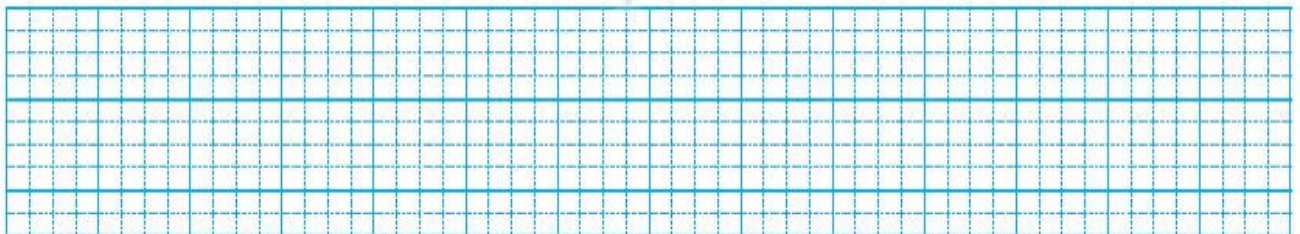
1. Tô



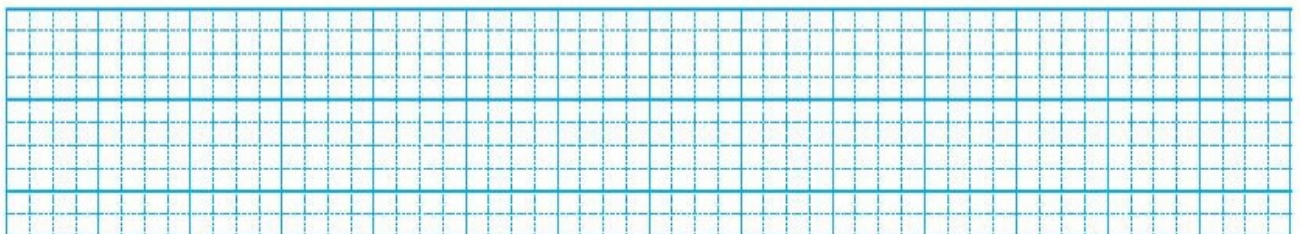
2. Viết từ ngữ



3. Viết câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3 (SHS trang 25)



4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 26)



5. Nghe viết (SHS trang 27)

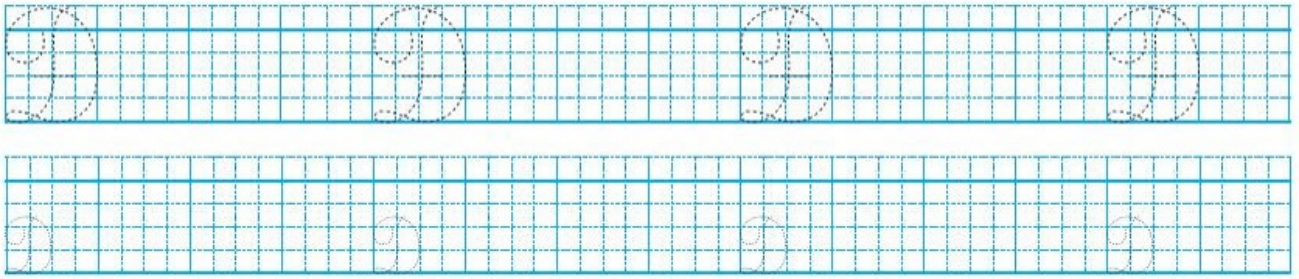
BÀI 2. LÀM ANH

1. Viết từ ngữ

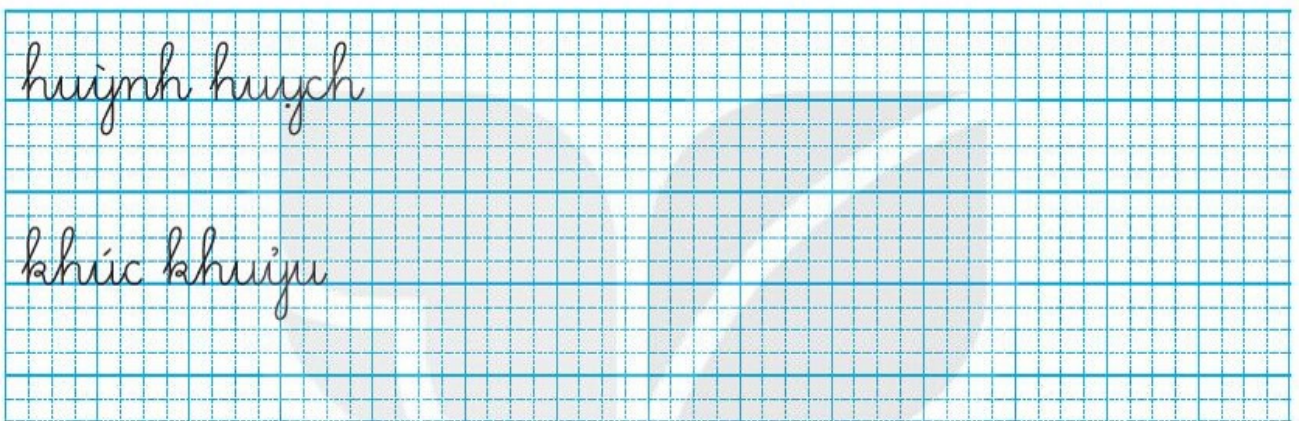
2. Viết tiếng cùng vần với mỗi tiếng *bánh, đẹp, vui*

BÀI 3. CẢ NHÀ ĐI CHƠI NÚI

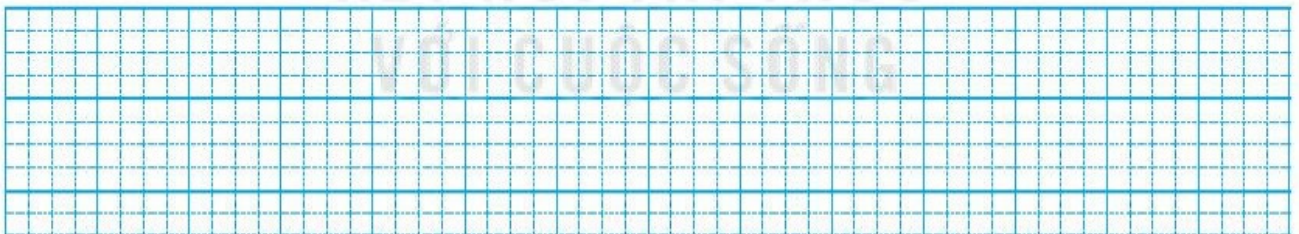
1. Tô



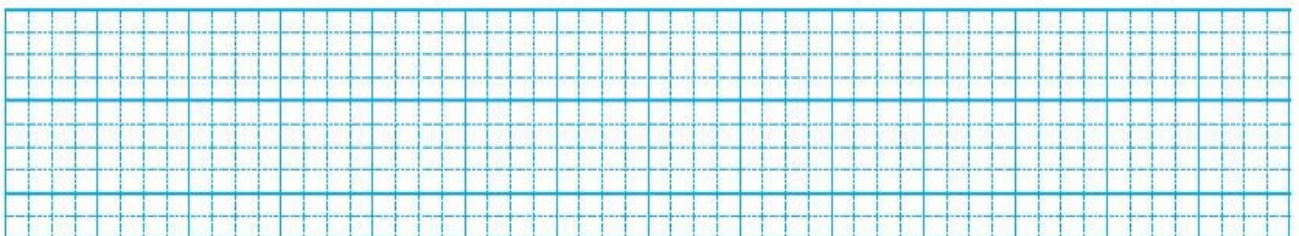
2. Viết từ ngữ



3. Viết câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3 (SHS trang 31)



4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 32)



5. Nghe viết (SHS trang 33)

BÀI 4. QUẠT CHO BÀ NGỦ

1. Viết từ ngữ

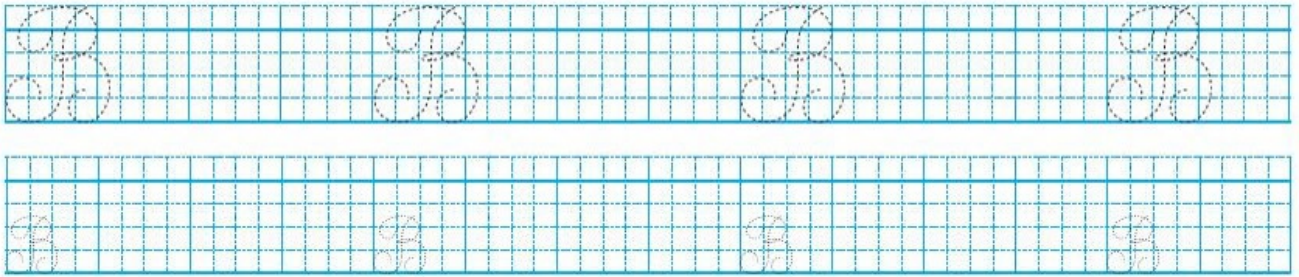
chích choè

lìm dìm

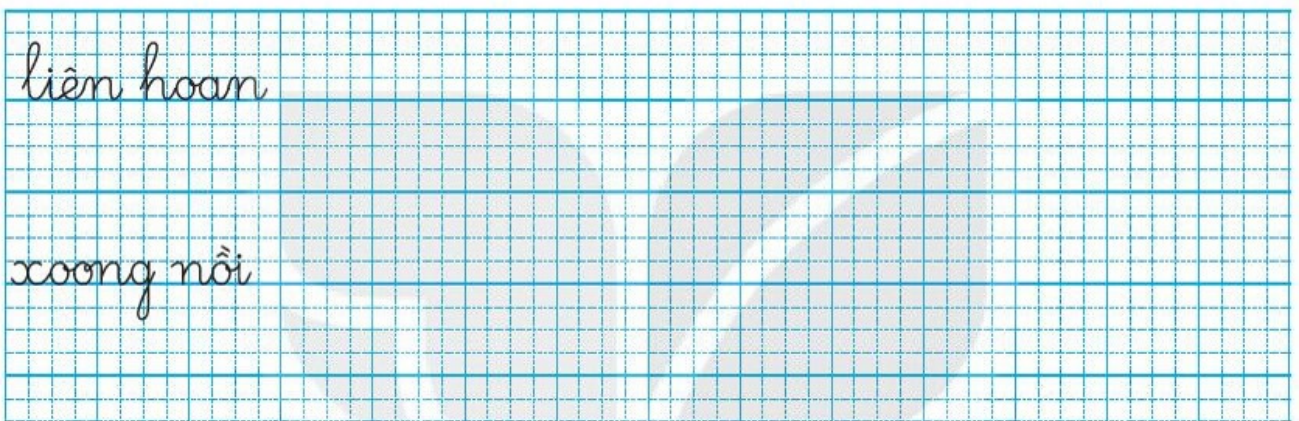
2. Viết tiếng cùng vần với mỗi tiếng *trắng, vườn, thơm*

BÀI 5. BỮA CƠM GIA ĐÌNH

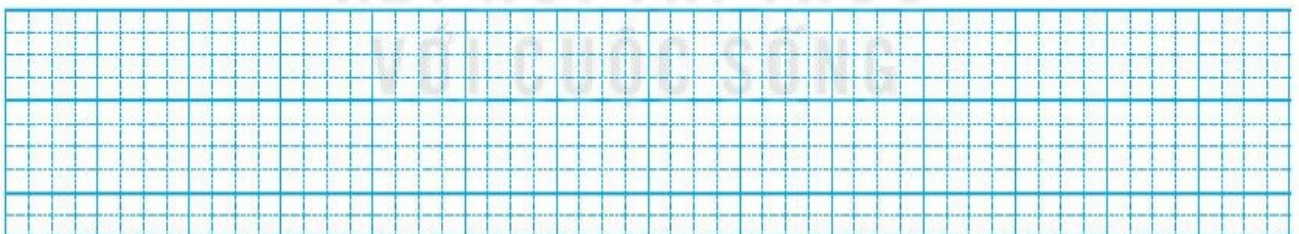
1. Tô



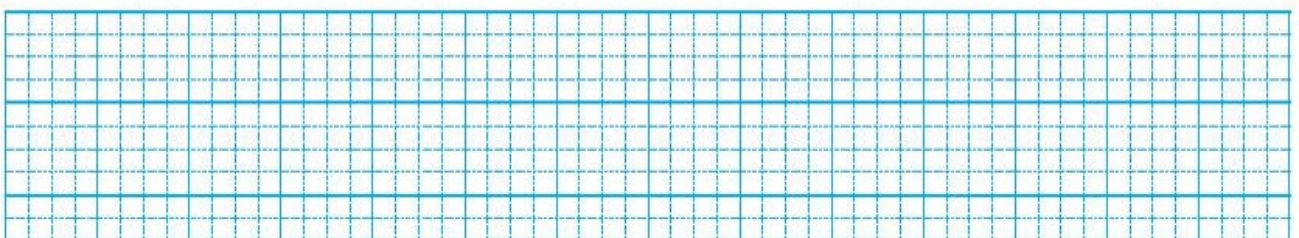
2. Viết từ ngữ



3. Viết câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3 (SHS trang 37)



4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 38)



5. Nghe viết (SHS trang 38)

BÀI 6. NGÔI NHÀ

1. Viết từ ngữ

cao xuyên

lành lớt

2. Viết tiếng cùng vần với mỗi tiếng *chùm, phơi, nước*

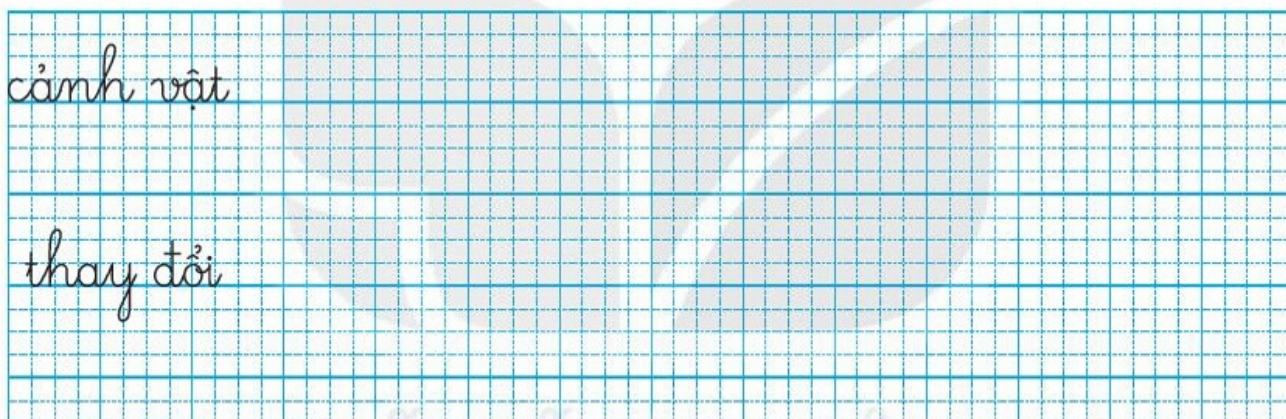
3. MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU

BÀI 1. TÔI ĐI HỌC

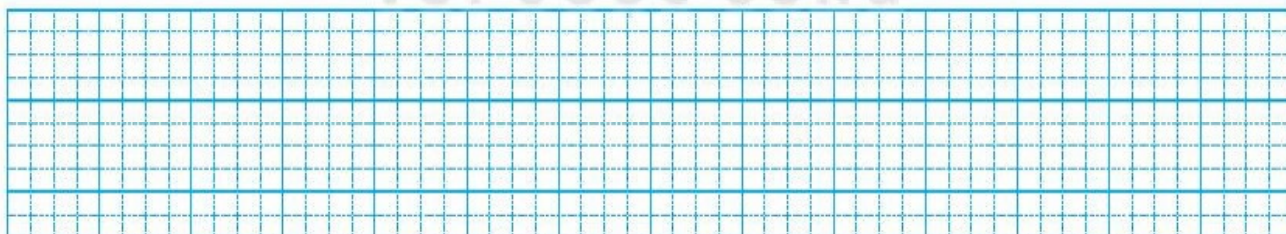
1. Tô



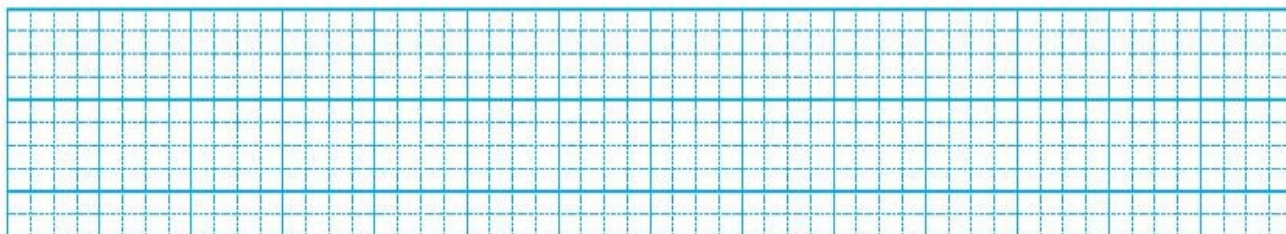
2. Viết từ ngữ



3. Viết câu trả lời cho câu hỏi a mục 3 (SHS trang 45)



4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 46)



5. Nghe viết (SHS trang 47)

BÀI 2. ĐI HỌC

1. Viết từ ngữ

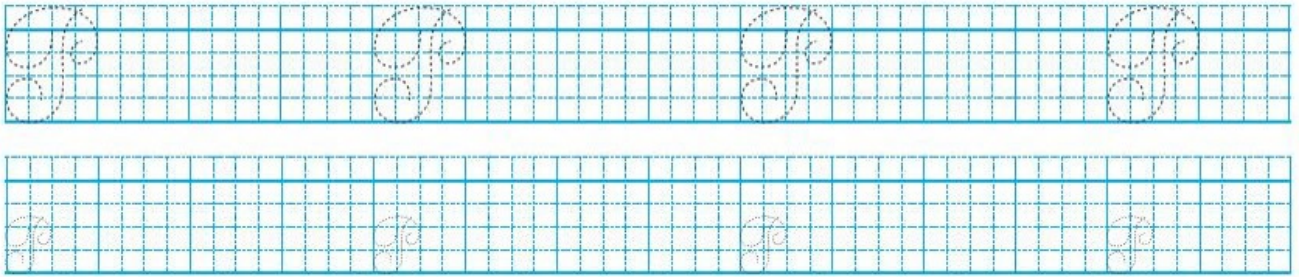
thăm thi

nước suối

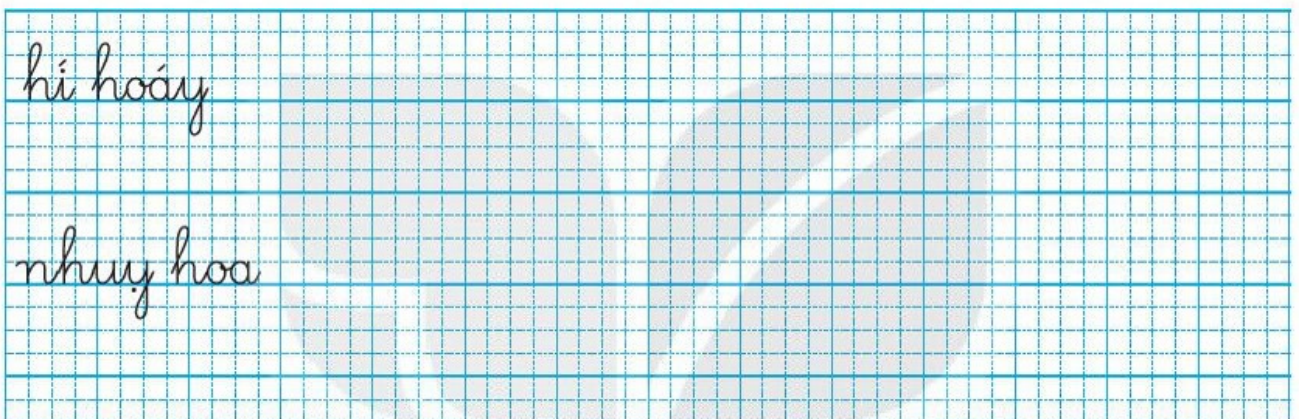
2. Viết tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ (SHS trang 48)

BÀI 3. HOA YÊU THƯƠNG

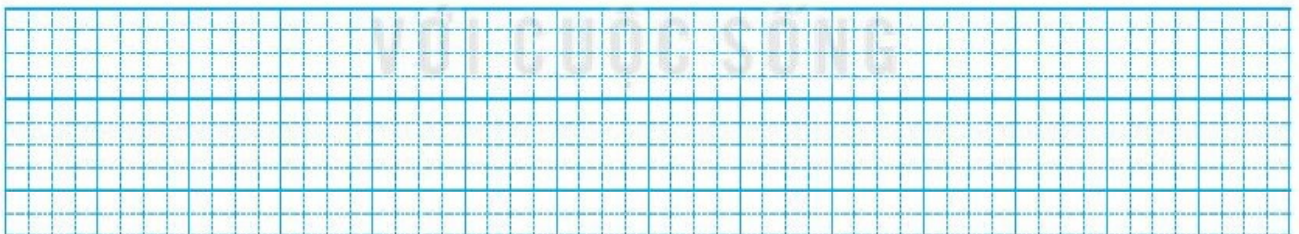
1. Tô



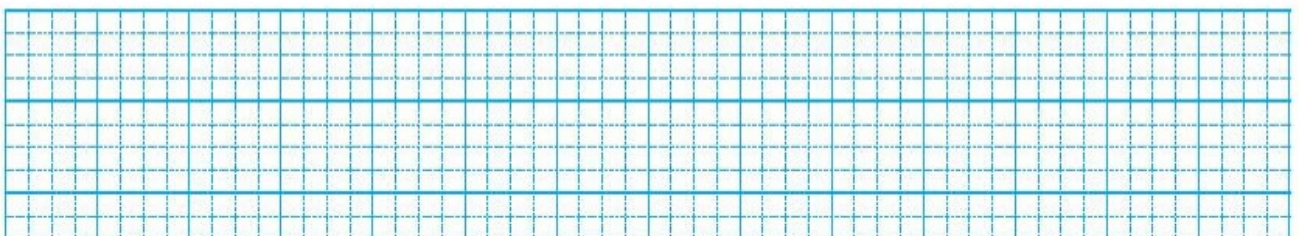
2. Viết từ ngữ



3. Viết câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3 (SHS trang 51)



4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 52)



5. Nghe viết (SHS trang 53)

BÀI 4. CÂY BÀNG VÀ LỚP HỌC

1. Viết từ ngữ

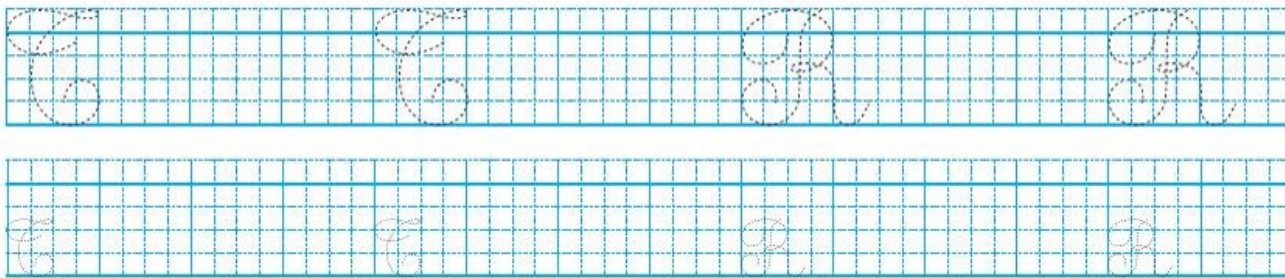
cành mượt

tưng bừng

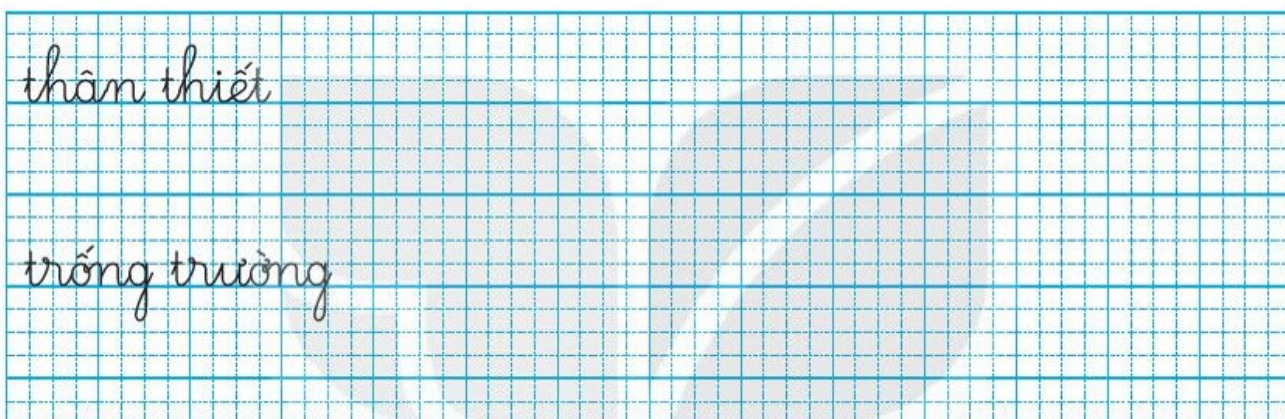
2. Viết những tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ (SHS trang 54)

BÀI 5. BÁC TRỒNG TRƯỜNG

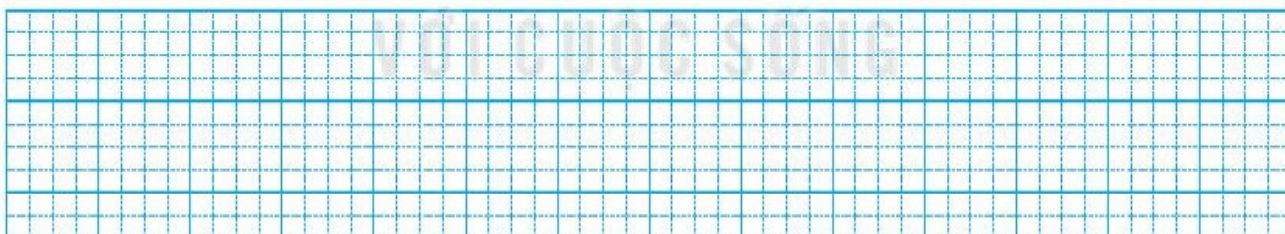
1. Tô



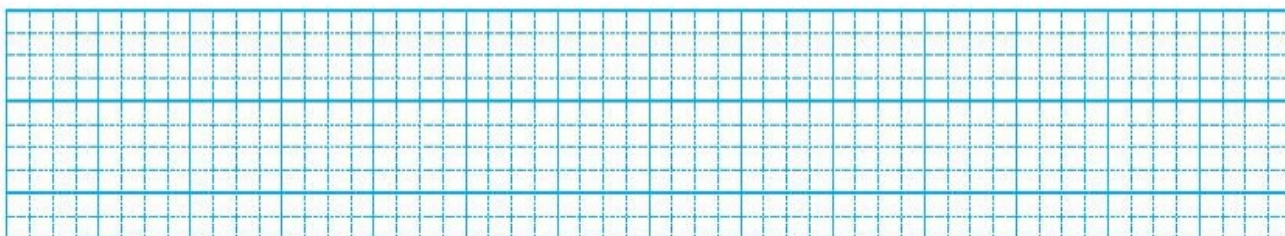
2. Viết từ ngữ



3. Viết câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3 (SHS trang 57)



4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 58)



5. Nghe viết (SHS trang 59)

BÀI 6. GIỜ RA CHƠI

1. Viết từ ngữ

vun vút

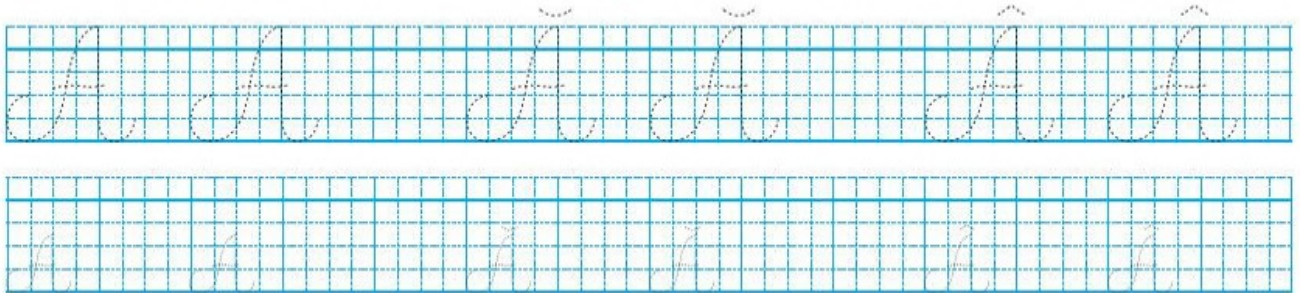
nhịp nhàng

2. Viết những tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ (SHS trang 60)

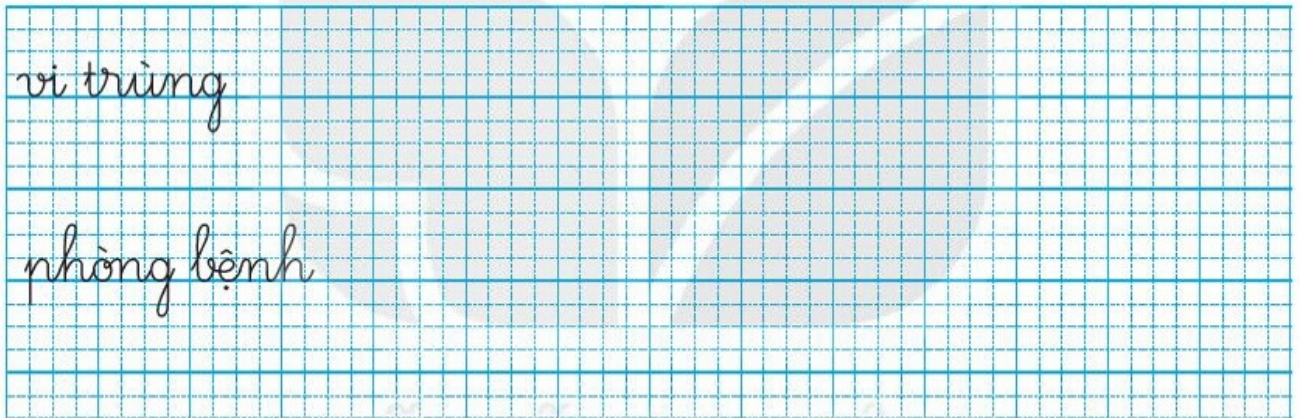
4. ĐIỀU EM CẦN BIẾT

BÀI 1. RỬA TAY TRƯỚC KHI ĂN

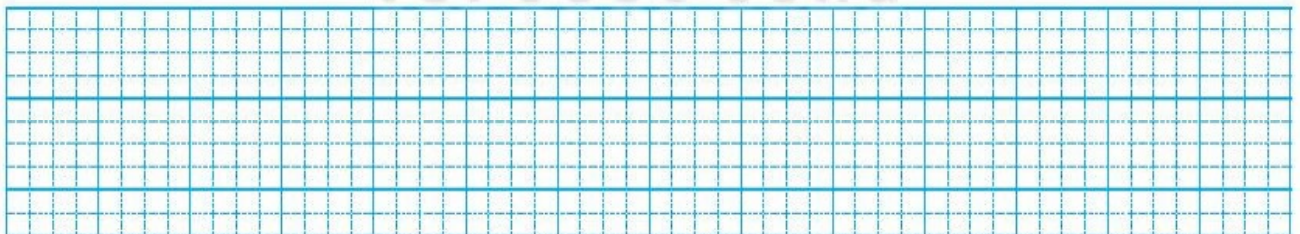
1. Tô



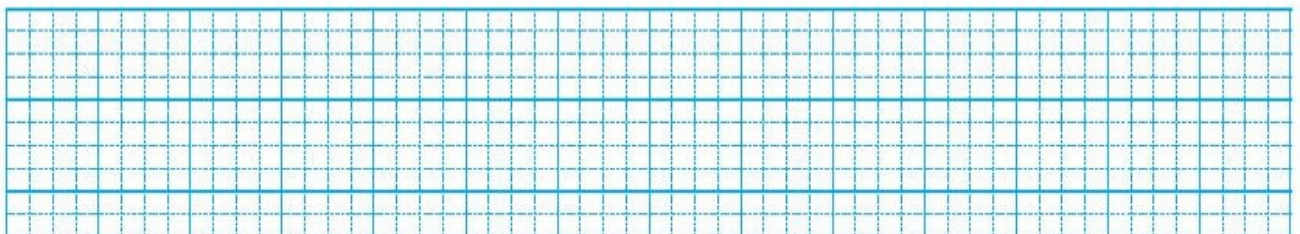
2. Viết từ ngữ



3. Viết câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3 (SHS trang 65)



4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 66)



5. Nghe viết (SHS trang 67)

BÀI 2. LỜI CHÀO

1. Viết từ ngữ

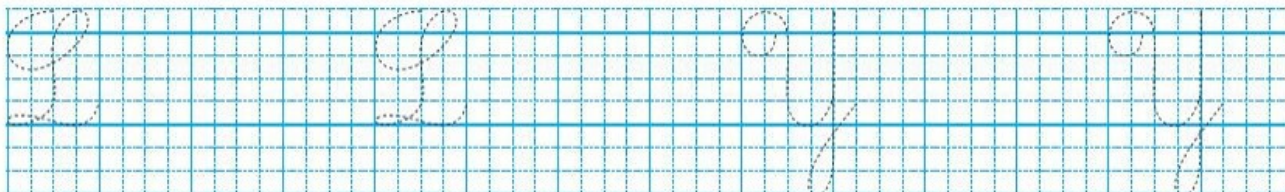
lời chào

chân thành

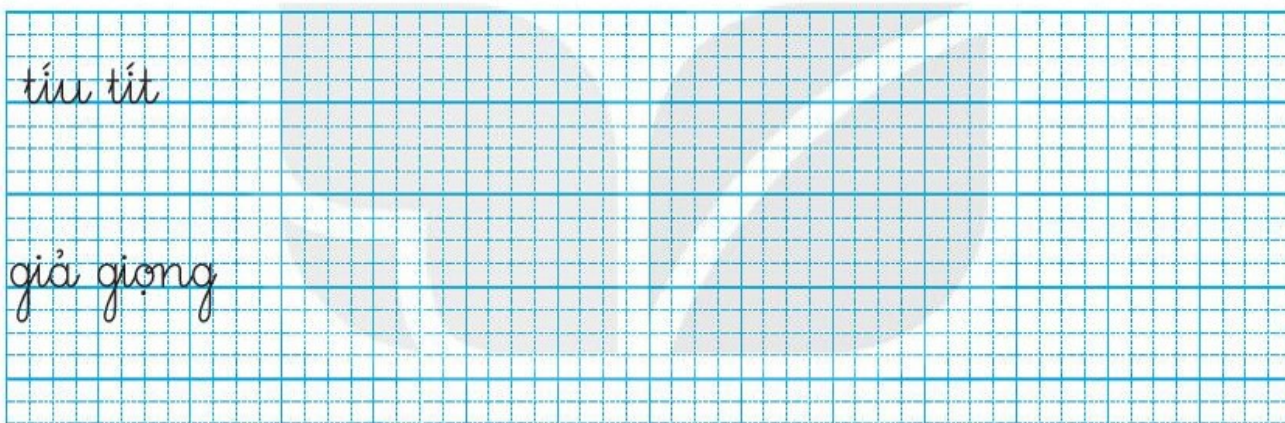
2. Viết những tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ (SHS trang 68)

BÀI 3. KHI MẸ VẮNG NHÀ

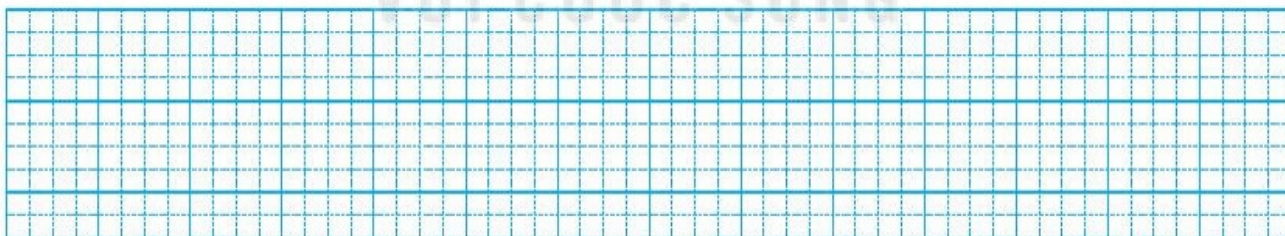
1. Tô



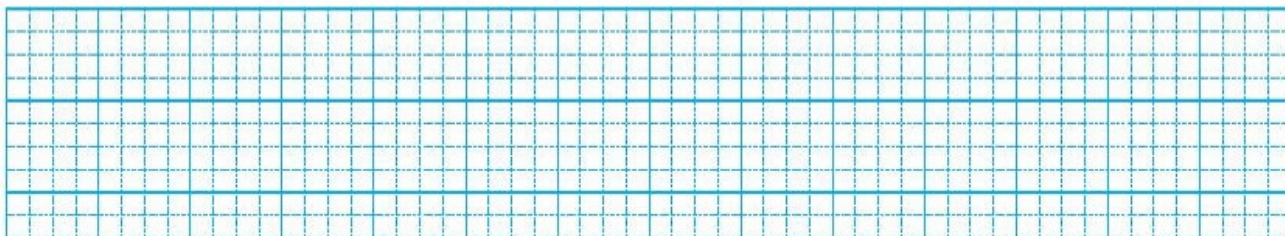
2. Viết từ ngữ



3. Viết câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3 (SHS trang 71)



4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 72)



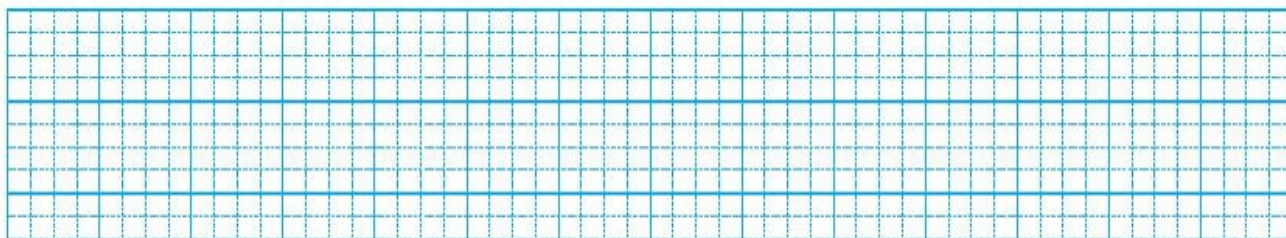
5. Nghe viết (SHS trang 73)

BÀI 4. NẾU KHÔNG MAY BỊ LẠC

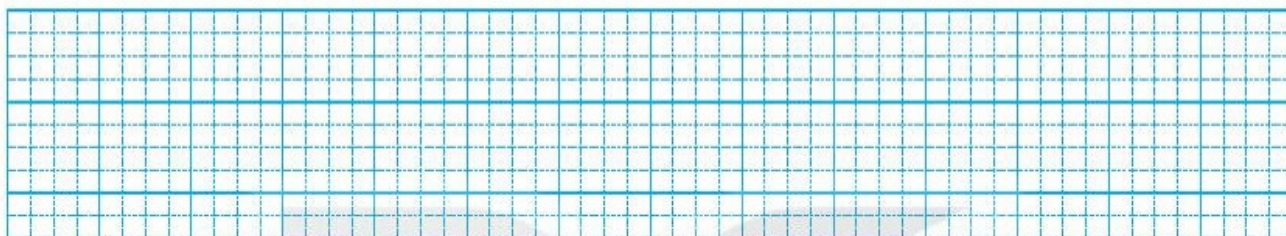
1. Tô

2. Viết từ ngữ

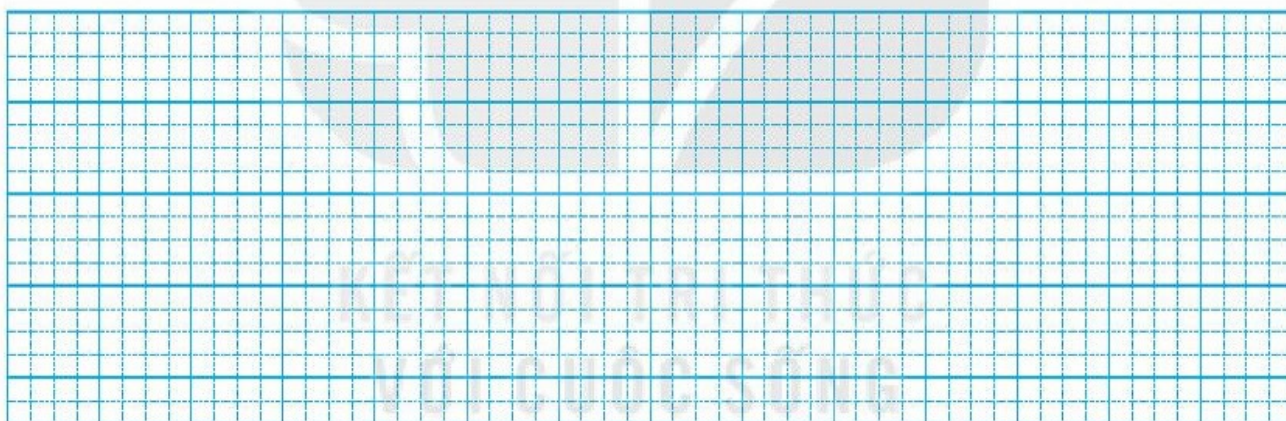
3. Viết câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3 (SHS trang 75)



4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 76)

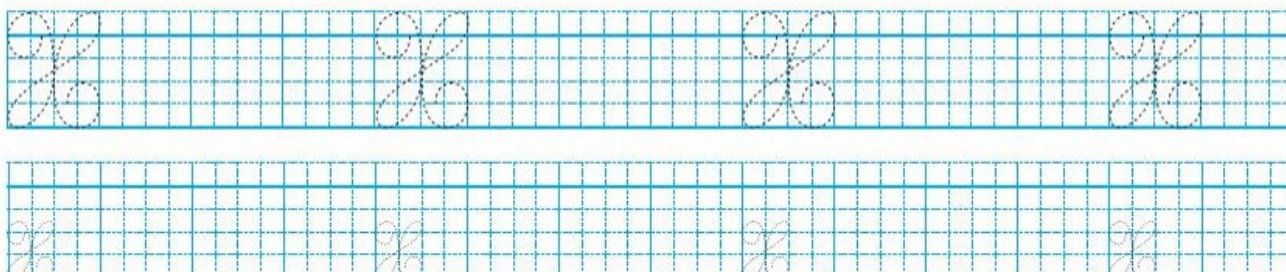


5. Nghe viết (SHS trang 77)



BÀI 5. ĐÈN GIAO THÔNG

1. Tô



2. Viết từ ngữ

điều khiển

giao thông

3. Viết câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3 (SHS trang 79)

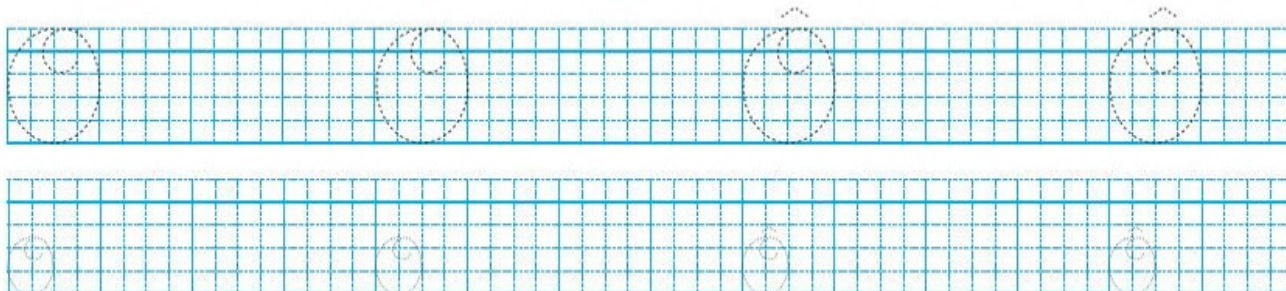
4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 80)

5. Nghe viết (SHS trang 81)

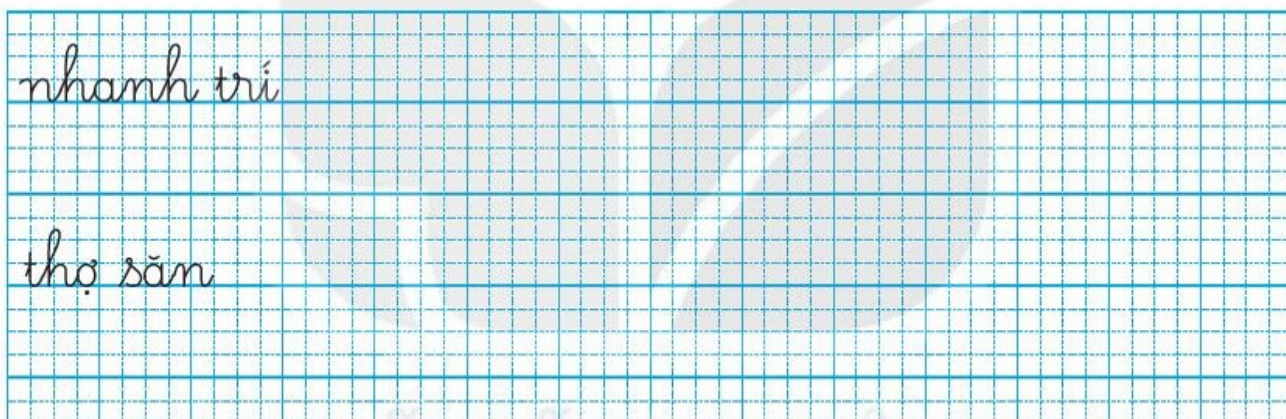
5. BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG

BÀI 1. KIẾN VÀ CHIM BỒ CÂU

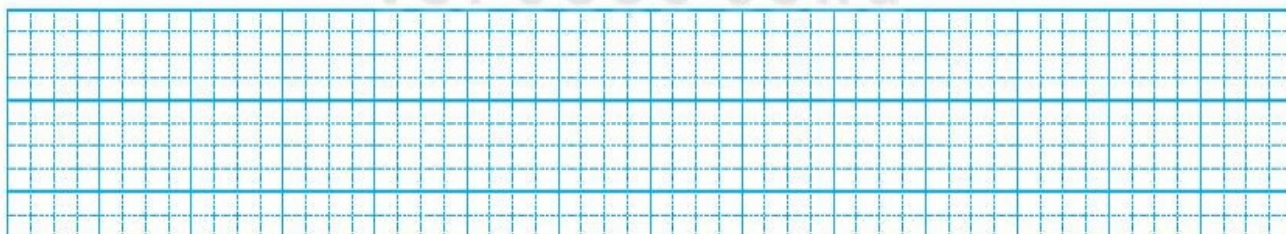
1. Tô



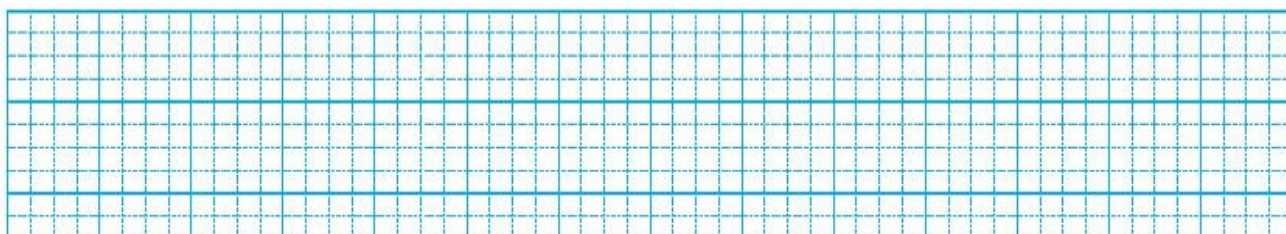
2. Viết từ ngữ



3. Viết câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3 (SHS trang 85)



4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 86)



5. Nghe viết (SHS trang 87)

BÀI 2. CÂU CHUYỆN CỦA RỄ

1. Viết từ ngữ

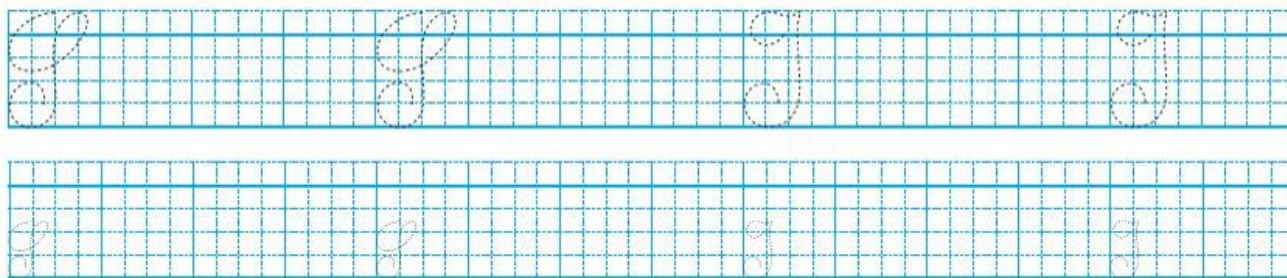
lặng lẽ

khiêm nhường

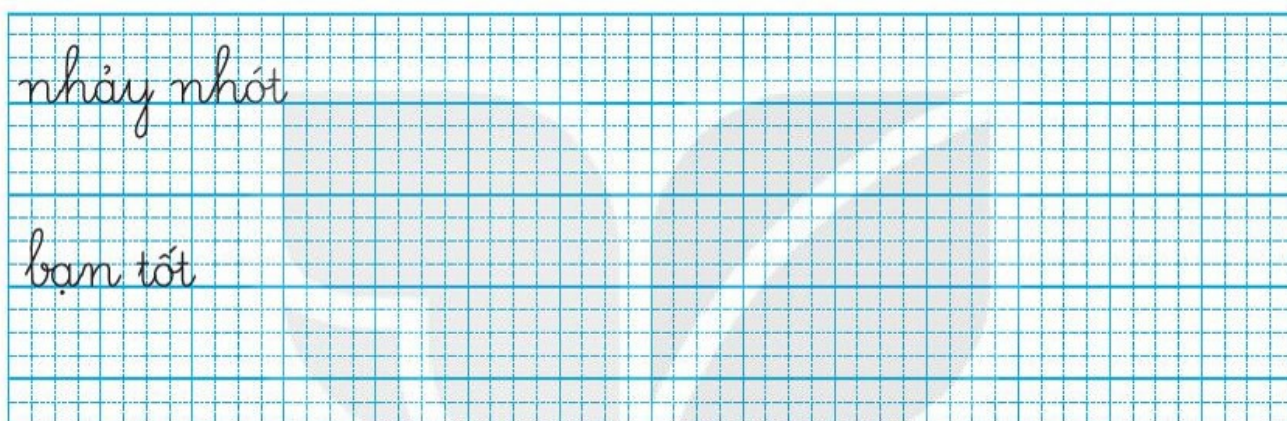
2. Viết những tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ (SHS trang 88, 89)

BÀI 3. CÂU HỎI CỦA SÓI

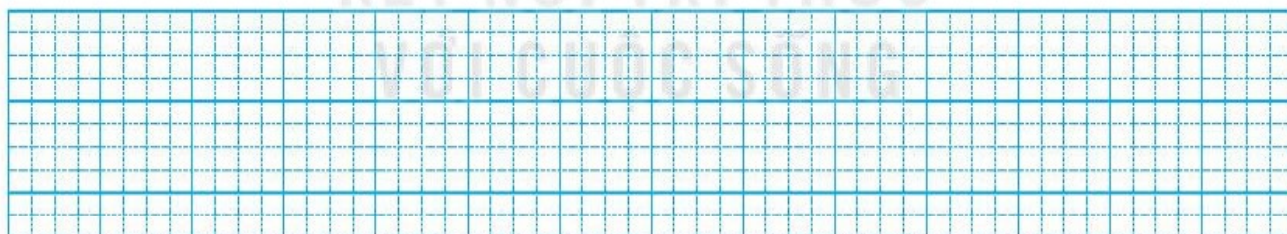
1. Tô



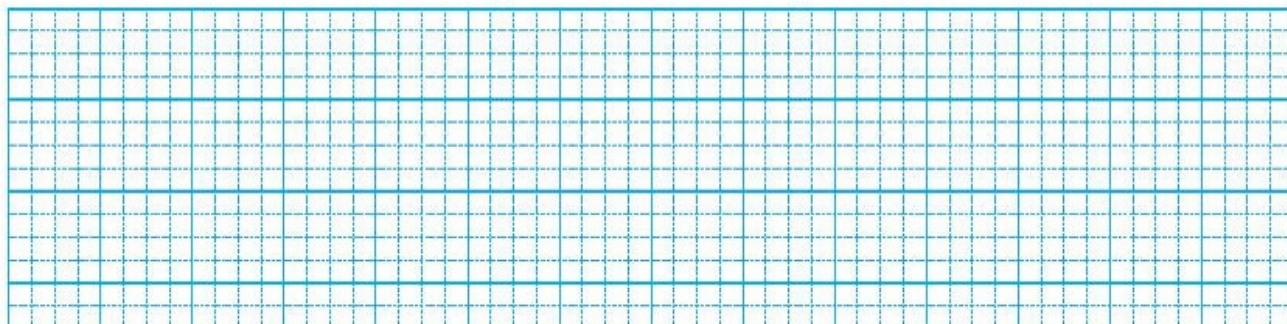
2. Viết từ ngữ



3. Viết câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3 (SHS trang 91)



4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 92)



5. Nghe viết (SHS trang 92)

BÀI 4. CHÚ BÉ CHẶN CƯỜI

1. Tô

2. Viết từ ngữ

3. Viết câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3 (SHS trang 95)

4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 96)

5. Nghe viết (SHS trang 97)

BÀI 5. TIẾNG VỌNG CỦA NÚI

1. Tô

2. Viết từ ngữ

tiếng vọng

vui vẻ

3. Viết câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3 (SHS trang 99)

4. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 100)

5. Nghe viết (SHS trang 101)

6. THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

BÀI 1. LOÀI CHIM CỦA BIỂN CẢ

1. Viết từ ngữ

hải âu

đại dương

2. Viết câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3 (SHS trang 105)

3. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 106)

4. Nghe viết (SHS trang 107)

BÀI 2. BẢY SẮC CẦU VỒNG

1. Viết từ ngữ

cầu vồng

mưa rào

2. Viết những tiếng có vần *ông*, *ơi*, *ưa* trong bài đọc *Bảy sắc cầu vồng*

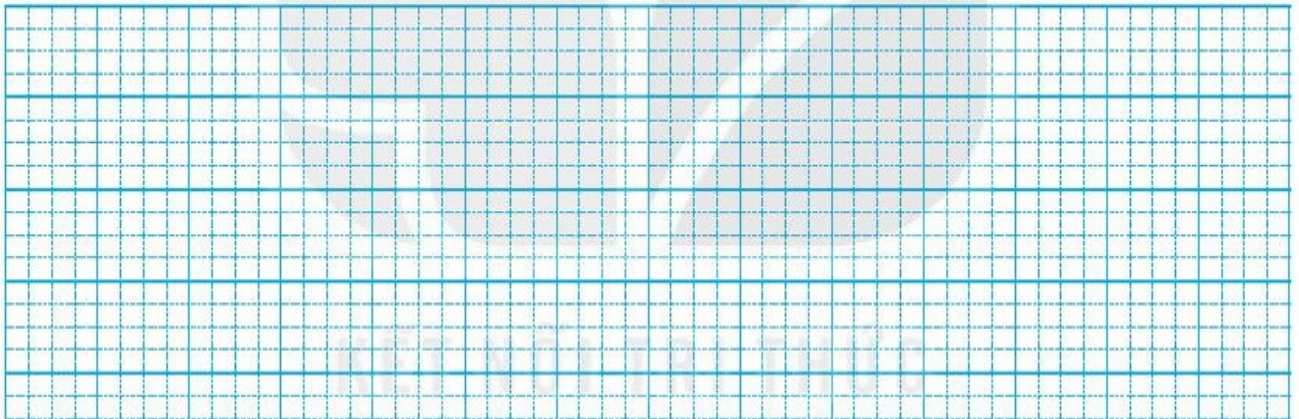
BÀI 3. CHÚA TỂ RỪNG XANH

1. Viết từ ngữ

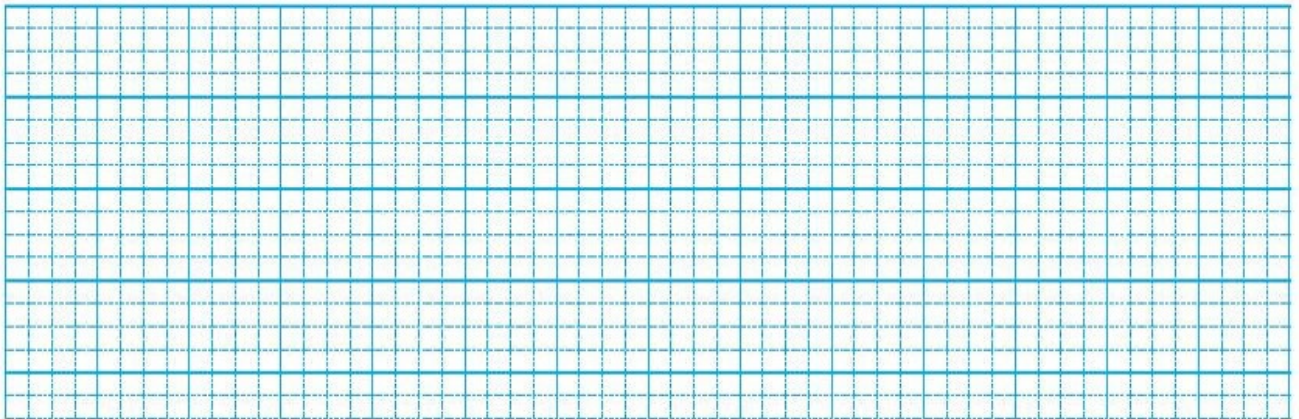
di chuyển

rừng xanh

2. Viết câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3 (SHS trang 111)



3. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 112)



4. Nghe viết (SHS trang 112)

BÀI 4. CUỘC THI TÀI NĂNG RỪNG XANH

1. Viết từ ngữ

cuộc thi

tiết mục

2. Viết câu trả lời cho câu hỏi a và c ở mục 3 (SHS trang 115)

3. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 116)

4. Nghe viết (SHS trang 117)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 5. CÂY LIỄU DẸO DAI

1. Viết từ ngữ

dẻo dai

chuyển động

2. Viết câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3 (SHS trang 119)

A full-page sheet of white graph paper with a light blue grid. The grid consists of small squares, approximately 1 cm by 1 cm each. There are 20 columns and 15 rows of squares. A thicker vertical line runs down the left side, creating a margin. A thicker horizontal line runs across the top, creating a header area. The intersection of these two thick lines forms a rectangular box in the top-left corner, suitable for writing a title or name.

3. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 120)

A large grid of graph paper with 20 columns and 10 rows, intended for drawing a picture.

4. Nghe viết (SHS trang 121)

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin blue lines. There are no margins or additional markings on the page.

7. THẾ GIỚI TRONG MẮT EM

BÀI 1. TIA NẮNG ĐI ĐÂU

1. Viết từ ngữ

ngâm nghĩ

tán cây

2. Viết những tiếng cùng vần với nhau trong hai khổ thơ đầu (SHS trang 124)

BÀI 2. TRONG GIẤC MƠ BUỔI SÁNG

1. Viết từ ngữ

thảo nguyên

ban mai

2. Viết những tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ (SHS trang 126, 127)



BÀI 3. NGÀY MỚI BẮT ĐẦU

1. Viết từ ngữ

tinh mơ

tia nắng

2. Viết câu trả lời cho câu hỏi a và c ở mục 3 (SHS trang 129)

[illegible]

3. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 130)

4. Nghe viết (SHS trang 131)

BÀI 4. HỎI MẸ

1. Viết từ ngữ

trăng rằm

chăn trâu

2. Viết những tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ (SHS trang 132)

BÀI 5. NHỮNG CÁNH CÒ

1. Viết từ ngữ

duyên dáng

âm thanh

2. Viết câu trả lời cho câu hỏi a và c ở mục 3 (SHS trang 135)

3. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 136)

4. Nghe viết (SHS trang 137)

BÀI 6. BUỔI TRƯA HÈ

1. Viết từ ngữ

chập chờn

hào rục

2. Viết những tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ (SHS trang 138)

BÀI 7. HOA PHƯỢNG

1. Viết từ ngữ

hoa phượng

rừng rục chày

2. Viết tiếng cùng vần với mỗi tiếng *xanh, lửa, cây*

8. ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI

BÀI 1. CẬU BÉ THÔNG MINH

1. Viết từ ngữ

trăm trồ

thần phục

2. Viết câu trả lời cho câu hỏi a và c ở mục 3 (SHS trang 145)

3. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 146)

4. Nghe viết (SHS trang 146)

BÀI 2. LÍNH CỨU HOẢ

1. Viết từ ngữ

vòi phun nước

đèn báo hiệu

2. Viết câu trả lời cho câu hỏi b và c ở mục 3 (SHS trang 149)

3. Viết câu đã hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 150)

4. Nghe viết (SHS trang 151)

BÀI 3. LỚN LÊN BẠN LÀM GÌ?

1. Viết từ ngữ

thủy thủ

mùa gặt

2. Viết những tiếng có vần *at, ep, êp* trong khổ thơ thứ 2 và thứ 3 (SHS trang 152)

BÀI 4. RUỘNG BẠC THANG Ở SA PA

1. Viết từ ngữ

ruộng bạc thang

chăm chỉ

2. Viết câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3 (SHS trang 155)

BÀI 5. NHỚ ƠN

1. Viết từ ngữ

cây ruộng

trồng trọt

2. Viết những tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ (SHS trang 156)

BÀI 6. DU LỊCH BIỂN VIỆT NAM

1. Viết từ ngữ

bơi lội

kì diệu

2. Viết câu trả lời cho câu hỏi b và c ở mục 3 (SHS trang 159)

3. Viết câu hoàn thiện ở mục 5 (SHS trang 160)

4. Nghe viết (SHS trang 161)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập lần đầu và tái bản: NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN

Thiết kế sách: NGUYỄN THANH LONG

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Sửa bản in: TRỊNH ĐÌNH DŨNG

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.**

*Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ,
chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.*

TẬP VIẾT 1 – TẬP HAI

Mã số: G1BH1V004h21

In bản (QĐ.....), khổ 17 x 24 cm. Số in:.....

In tại:

Địa chỉ:

Số ĐKXB: 01-2021/CXBIPH/573-1559/GD

Số QĐXB: ngày tháng năm

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-23818-4

Tập hai: 978-604-0-23819-1